**ĐỀ 1:**

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Phát biểu nào dưới đây là ***không*** đúng về vai trò của chăn nuôi?

**A**. Sản phẩm chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, là nguồn cung cấp dinh dưỡng quan trọng cho con người.

**B**. Phát triển chăn nuôi góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

**C**. Chất thải vật nuôi là nguồn phân hữu cơ quan trọng, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trồng trọt.

**D**. Sản phẩm chăn nuôi là nguồn cung cấp lương thực chính cho con người.

**Câu 2.** Làm thế nào chăn nuôi đóng góp vào việc cung cấp thực phẩm cho con người?

**A**. Chăn nuôi cung cấp thực phẩm từ nông sản như rau, hoa, quả.

**B**. Chăn nuôi cung cấp thực phẩm từ động vật nuôi như thịt, sữa, trứng.

**C**. Chăn nuôi không liên quan đến việc cung cấp thực phẩm.

**D**. Chăn nuôi chỉ cung cấp thực phẩm từ động vật hoang dã.

**Câu 3.** Nhóm vật nuôi nào sau đây được phân loại theo mục đích sử dụng?

**A**. Vật nuôi trên cạn, vật nuôi dưới nước.

**B**. Vật nuôi ngoại nhập, vật nuôi bản địa.

**C**. Vật nuôi đẻ con, vật nuôi đẻ trứng.

**D**. Vật nuôi lấy thịt, vật nuôi lấy trứng.

**Câu 4.** Thành tựu trong xử lí chất thải và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi chủ yếu nhờ ứng dụng công nghệ nào?

**A**. Công nghệ vi sinh.

**B**. Công nghệ gene.

**C**. Công nghệ thụ tinh nhân tạo.

**D**. Công nghệ thông minh.

**Câu 5.** Các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta là:

**A**. Chăn thả, chăn nuôi truyền thống, bán chăn thả

**B**. Chăn thả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi bán công nghiệp

**C**. Chăn nuôi nông hộ, nuôi nhốt, bán chăn thả

**D**. Chăn thả, nuôi nhốt, chăn nuôi truyền thống

**Câu 6.** Phương thức chăn thả tự do có ưu điểm gì?

**A**. Mức đầu tư thấp, tận dụng thức ăn tự nhiên và phụ phẩm.

**B**. Kiểm soát được dịch bệnh, năng suất và hiệu quả nuôi cao.

**C**. Mức đầu tư thấp, năng suất và hiệu quả nuôi cao.

**D**. Kiểm soát được dịch bệnh, tận dụng thức ăn tự nhiên và phụ phẩm.

**Câu 7.** Tại sao yêu cầu đạo đức nghề nghiệp là một yếu tố quan trọng trong ngành chăn nuôi?

**A**. Đạo đức nghề nghiệp giúp người lao động có kiến thức về chăn nuôi và kinh tế.

**B**. Đạo đức nghề nghiệp thể hiện khả năng vận hành thiết bị công nghệ cao trong chăn nuôi.

**C**. Đạo đức nghề nghiệp đảm bảo người lao động có ý thức bảo vệ môi trường và chăm sóc động vật.

**D**. Đạo đức nghề nghiệp làm cho người lao động chăm chỉ, cần cù trong công việc chăn nuôi.

**Câu 8.** Vai trò của giống trong chăn nuôi quyết định đến

**A**. điều kiện phát triển của trang trại chăn nuôi.

**B**. giá trị kinh tế của sản phẩm chăn nuôi.

**C**. năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

**D**. đánh giá của người tiêu dùng khi mua sản phẩm chăn nuôi.

**Câu 9.** Những tiêu chí cơ bản để đánh giá chọn giống vật nuôi là:

**A**. Ngoại hình, thể chất, khả năng sinh trưởng và phát dục, năng suất và chất lượng sản phẩm.

**B**. Ngoại hình, trọng lượng, khả năng sinh trưởng và phát dục, năng suất và chất lượng sản phẩm.

**C**. Ngoại hình, thể chất, khả năng sinh sản, năng suất và chất lượng sản phẩm.

**D**. Ngoại hình, khả năng sinh trưởng và phát dục, năng suất và chất lượng sản phẩm.

**Câu 10.** Chọn lọc bằng bộ gen có độ chính xác cao, rút ngắn thời gian chọn lọc bởi:

**A**. Là phương pháp chọn lọc cá thể dựa trên các gen quy định hoạc có liên quan đến 1 tính trạng mong muốn nào đó.

**B**. Là phương pháp chọn lọc dựa trên ảnh hưởng của tất cả các gen có liên quan đến 1 tính trạng nào đó.

**C**. Là phương pháp chọn lọc các cá thể dựa trên các đoạn mã ARN có liên quan đến 1 tính trạng mong muốn nào đó.

**D**. Là phương pháp chọn lọc dựa vào phả hệ để xem xét các đời tổ tiên.

**Câu 11.** Nhân giống vật nuôi gồm các phương pháp là?

**A**. Nhân giống thuần chủng và gây đột biến

**B**. Lai giống và gây đột biến

**C**. Nhân giống thuần chủng và chọn lọc cá thể

**D**. Nhân giống thuần chủng và lai giống

**Câu 12.** Ý nào sau đây không phải là mục đích của phương pháp nhân giống thuần chủng?

**A**. Bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm.

**B**. Bổ sung các tính trạng tốt có ở các giống khác nhau.

**C**. Phát triển, khai thác ưu thế của các giống vật nuôi nội

**D**. Phát triển về số lượng đối với giống nhập nội và củng cố các đặc tính mong muốn đối với các giống mới gây thành

**Câu 13.** Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi là:

**A**. nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày

**B**. nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày đêm

**C**. nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong hai ngày đêm

**D**. đáp án khác

**Câu 14:** Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi là:

**A**. lượng thức ăn đủ cho vật nuôi ăn trong vòng một ngày đêm

**B**. nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày đêm

**C**. lượng chất dinh dưỡng mà vật nuôi cần để duy trì hoạt động sống và sản xuất ra sản phẩm trong một ngày đêm.

**D**. đáp án khác.

**Câu 15:** Tác dụng của Vitamin là:

**A**. Điều hoà các quá trình trao đổi chất trong cơ thể.

**B**. Tổng hợp các chất sinh học.

**C**. Tái tạo mô.

**D**. Tăng hấp thu chất dinh dưỡng.

**Câu 16:** “là tiêu chuẩn ăn đã được cụ thể hóa bằng các loại thức ăn xác định với khối lượng hoặc tỉ lệ nhất định”- đây là khái niệm của:

**A**. Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi.

**B**. Thành phần dinh dưỡng trong thức ăn

**C**. Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi

**D**. Khẩu phần ăn của vật nuôi

**Câu 17:** Nhóm thức ăn nào sau đây cung cấp nguyên liệu để tổng hợp protein đặc trưng cho cơ thể

**A**. Hạt ngũ cốc (thóc, ngô)

**B**. Các loại bột tôm, cá

**C**. Bột vỏ tôm, vỏ cua

**D**. Các loại rau cỏ, lá cây

**Câu 18.** Nguyên liệu thường sử dụng chế biến thức ăn giàu tinh bột cho vật nuôi?

**A.** Bột ngô, khoai, sắn

**B.** Các loại bột tôm, cá

**C.** Bột vỏ tôm, vỏ cua

**D**. Các loại rau cỏ, lá cây

**Câu 19**. Quy trình sản xuất thức ăn từ vi sinh vật gồm mấy bước?

**A**. 3 **B**. 4 **C**. 5 **D**. 6

**Câu 20**. Bước đầu tiên trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp là gì?

**A**. Làm sạch nguyên liệu

**B**. Lựa chọn nguyên liệu chất lượng tốt

**C**. Cân đo theo tỉ lệ.

**D**. Sấy khô

**Câu 21**. Ưu điểm của thức ăn hỗn hợp:

**A**. Tăng hiệu quả sử dụng.

**B**. Tiết kiệm được nhân công.

**C**. Giảm chi phí thức ăn, chi phí chế biến, bảo quản

**D**. Tất cả đều đúng

**Câu 22**. Phương pháp ủ chua thức ăn cho vật nuôi gồm các bước?

**A**. Lựa chọn nguyên liệu → phơi héo, cắt ngắn → ủ

**B**. Lựa chọn nguyên liệu → ủ → phơi héo, cắt ngắn.

**C**. Lựa chọn nguyên liệu → phơi héo, cắt ngắn → ủ → đánh giá chất lượng, sử dụng.

**D**. Lựa chọn nguyên liệu → ủ → phơi héo, cắt ngắn → đánh giá chất lượng, sử dụng.

**Câu 23.** Thứ tự các bước trong quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp sử dụng máy móc tự động:

**A**. Nhập nguyên liệu, làm sạch → Nghiền, phối trộn → Hấp chín và ép viên → Phân loại, đóng bao.

**B**. Nghiền, phối trộn → Hấp chín và ép viên → Phân loại, đóng bao → Nhập nguyên liệu, làm sạch

**C**. Nhập nguyên liệu, làm sạch → Hấp chín và ép viên → Phân loại, đóng bao → Nghiền, phối trộn

**D**. Nhập nguyên liệu, làm sạch → Phân loại, đóng bao → Nghiền, phối trộn → Hấp chín và ép viên

**Câu 24:** Nguyên liệu nào thường dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi.

**A**. Phụ phẩm trồng trọt, thủy sản và các loại sản phẩm tương tự khác.

**B**. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột.

**C**. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng viên.

**D**. Thức ăn được sản xuất bằng cách thu nhận các sản phẩm và phụ phẩm trồng trọt, thủy sản, công nghiệp chế biến, các sản phẩm tương tự khác.

**Câu 25.** Phương pháp được sử dụng bảo quản thức ăn chăn nuôi

**A**. Bảo quản thức ăn chăn nuôi trong kho, làm khô, ứng dụng công nghệ cao.

**B**. Bảo quản thức ăn trong nhà kho, kho silo, kho lạnh.

**C**. Bảo quản thức ăn bằng phương pháp phơi khô, sấy khô.

**D**. Bảo quản thức ăn bằng ứng dụng công nghệ cao.

**Câu 26.** Ưu điểm của PP bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng kho silo.

**A**. Thời gian bảo quản ngắn.

**B**. Chi phí lao động thấp.

**C**. Sức chứa lớn, tự động hóa, ngăn chặn phá hoại VSV, tiết kiệm diện tích, chi phí lao động.

**D**. Chi phí ban đầu cao.

**Câu 27.** Trình bày quy trình sử dụng VSV để ủ chua thức ăn trong chăn nuôi.

**A**. Lựa chọn nguyên liệu → Phơi héo, cắt ngắn → Ủ → Đánh giá chất lượng sử dụng.

**B**. Phơi héo, cắt ngắn → Lựa chọn nguyên liệu → Ủ → Đánh giá chất lượng sử dụng.

**C**. Lựa chọn nguyên liệu → Phơi héo, cắt ngắn → Đánh giá chất lượng sử dụng → Ủ.

**D**. Lựa chọn nguyên liệu → Ủ → Phơi héo, cắt ngắn → Đánh giá chất lượng sử dụng.

**Câu 28**. Ứng dụng CN cao chế biến thức ăn chăn nuôi gồm.

**A**. Phương pháp cắt ngắn, nấu chín, nghiền nhỏ.

**B**. Đường hóa, xử lý kiềm.

**C**. Chế biến nhờ công nghệ vi sinh, dây chuyền tự động.

**D**. Phương pháp sử dụng VSV để ủ chua.

**PHẦN 2. TỰ LUẬN**

**Câu 1. (2 điểm)** Trong trường hợp gia đình em nuôi gia cầm, em sẽ làm thế nào để bảo quản thức ăn cho gia cầm sao cho đảm bảo chất lượng?

**Câu 2.** **(1 điểm)** Một trang trại có quy mô chăn nuôi 1000 con lợn nái và 40 con đực. Nếu là chủ trang trại, với mục đích cải thiện năng suất sinh sản của đàn lợn nái (tăng số con đẻ ra) em sẽ:

1. Lựa chọn phương pháp chọn giống nào?
2. Hãy mô tả 1 số công việc cơ bản trong phương pháp chọn lọc mà em chọn.

Đáp án đề 1

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2B | 3D | 4A | 5B | 6D | 7A | 8C | 9A | 10B |
| 11D | 12B | 13B | 14C | 15A | 16D | 17B | 18B | 19B | 20B |
| 21D | 22D | 23A | 24D | 25A | 26C | 27A | 28C |  |  |

**PHẦN 2. TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| 1 | **Gợi ý**  Lưu trữ thức ăn ở nơi khô ráo, thoáng mát để tránh nấm mốc…..  Sử dụng thùng chứa thức ăn có đậy kín để ngăn côn trùng và độ ẩm gây hại…..  Tránh ánh nắng trực tiếp lên thức ăn để ngăn tia tử ngoại làm hỏng chất dinh dưỡng….  Sử dụng một số hợp chất sinh học có hoạt tính kháng khuẩn để ức chế sự phát triển của vi khuẩn…. kéo dài thời gian bảo quản….. | 0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| 2 | a. Lựa chọn phương pháp chọn giống  - Chọn giống hàng loạt…..  Hoặc chọn lọc cá thể…. | 0,5đ |
| b. Mô tả 1 số công việc cơ bản trong phương pháp chọn lọc  - Xác định chỉ tiêu chọn lọc (khả năng sinh sản, ngoại hình…) ………………….  - Chọn các cá thể……  - Đánh giá đời sau …… | 0,25đ  0,25đ |

ĐỀ 2:

**Câu 1:** Nêu nhược điểm của phương pháp bảo quản thức ăn bằng kho silo?

**A.** Tự động hóa trong quá trình xuất và nhập kho

**B.** Thuận lợi cho việc bảo quản

**C.** Không ngăn chặn được sinh vật gây hại

**D.** Chi phí đầu tư cao

**Câu 2:** Để bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm nên sử dụng phương pháp

**A.** lai kinh tế. **B.** lai xa.

**C.** nhân giống thuần chủng. **D.** lai cải tạo.

**Câu 3:** Thức ăn nào chứa nhiều năng lượng?

**A.** Bã mía **B.** Rau muống **C.** Cám, gạo **D.** Rơm, cỏ khô

**Câu 4:** Những giống chỉ khai thác theo 1 hướng nào đó như chuyên đẻ trứng, chuyên thịt, chuyên sữa là giống:

**A.** Giống nhập nội. **B.** Giống chuyên dụng.

**C.** Giống kiêm dụng. **D.** Giống nguyên thủy.

**Câu 5:** Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi

**A.** Bảo vệ vật nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi

**B.** Bảo vệ động vật

**C.** Bảo vệ chuồng nuôi

**D.** Chăm lo sức khỏe cho vật nuôi

**Câu 6:** Phương pháp chế biến thức ăn nào sau đây thuộc ứng dụng công nghệ cao?

**A.** Phương pháp cắt nhỏ. **B.** Phương phấu nấu chín.

**C.** Sử dụng công nghệ vi sinh. **D.** Phương pháp vật lí.

**Câu 7:** Đặc điểm nào sau đây **không** xuất hiện ở gà bị mắc bệnh Newcastle?

**A.** Mào màu tím tái **B.** Mắt lồi, xuất huyết

**C.** Nhớt dãi chảy nhiều **D.** Thực quản xuất huyết

**Câu 8:** Nguyên tắc phối trộn khẩu phần ăn đảm bảo tính khoa học là

**A.** đủ tiêu chuẩn, hợp khẩu vị **B.** tân dụng thức ăn có sẵn

**C.** chi phí thấp, vật nuôi thích ăn **D.** hạ giá thành, phù hợp tiêu hóa

**Câu 9:** Khi nói về vai trò của các nhóm thức ăn, phát biểu đúng

**A.** nhóm thức ăn giàu năng lượng chỉ cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của vật nuôi.

**B.** nhóm thức ăn giàu protein chỉ làm nguyên liệu để tổng hợp protein đặc trưng cho cơ thể.

**C.** nhóm thức ăn giàu khoáng chỉ làm thành phần vào cấu trúc xương cho vật nuôi.

**D.** nhóm thức ăn giàu vitamin tham gia điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể, tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

**Câu 10:** Giun đất là nhóm thức ăn giàu

**A.** vitamin **B.** khoáng **C.** năng lượng **D.** protein

**Câu 11:** Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là:

1.Các vật nuôi trong cùng 1 giống phải có chung nguồn gốc.

2.Chỉ khai thác theo 1 hướng nào đó.

3.Có ngoại hình, năng suất giống nhau.

4.Có tính di truyền ổn định.

5.Số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng.

6.Là giống vốn có ở địa phương.

7.Được hội đồng Quốc gia công nhận.

Nhận định **sai** là:

**A.** 1,2,3. **B.** 1,2,6. **C.** 2,6. **D.** 3,4,5.

**Câu 12:** Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị bằng

**A.** tỉ lệ chất xơ, axit amin. **B.** tỉ lệ thức ăn tinh, thô.

**C.** tỉ lệ các loại thức ăn. **D.** chỉ số dinh dưỡng.

**Câu 13:** Nội dung thể hiện sự sai khác giữa thức ăn truyền thống và thức ăn hỗn hợp là

**A.** thức ăn hỗn hợp được phối trộn theo công thức còn thức ăn truyền thống không có.

**B.** nguồn nguyên liệu thức ăn hỗn hợp có được nhờ tổng hợp và thức ăn truyền thống lấy tư tự nhiên.

**C.** thức ăn hỗn hợp chứa dinh dưỡng còn thức ăn truyền thống không có.

**D.** thức ăn hỗn hợp có đóng bao còn thức ăn truyền thống không có.

**Câu 14:** Ưu điểm của phương pháp chọn lọc cá thể là

**A.** dễ tiến hành. **B.** không tốn kém.

**C.** hiệu quả chọn lọc cao. **D.** không đồi hỏi kĩ thuật cao.

**Câu 15:** Có mấy phương pháp sản xuất thức ăn cho vật nuôi?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 16:** Có bao nhiêu công nghệ sinh học được áp dụng trong nhân giống vật nuôi.

**A.** 4 **B.** 3 **C.** 1 **D.** 2

**Câu 17:** Nội dung nào sau đây không phải vai trò của chăn nuôi?

**A.** Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

**B.** Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein ( thịt, trứng, sữa ) cho con người.

**C.** Cung cấp sức kéo cho trồng trọt.

**D.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

**Câu 18:** Đâu là bệnh truyền nhiễm

**A.** Bệnh sơ gan **B.** Bệnh tim mạch

**C.** Bệnh dịch tả châu phi **D.** Bệnh đường tiết niệu

**Câu 19:** Phương pháp nào thường hay dùng để bảo quản thức ăn vật nuôi ở nước ta?

**A.** Bảo quản trong kho lạnh **B.** Bảo quản bằng nguồn gốc hóa học

**C.** Bảo quản bằng phương pháp làm khô **D.** Bảo quản bằng phương pháp làm ẩm

**Câu 20:** Các bước xác định giới tính phôi ở vật nuôi

**A.** Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**B.** Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**C.** Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**D.** Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**Câu 21:** Ở gia đình em loại thức ăn chăn nuôi nào thường được bảo quản bằng phương pháp làm khô?

**A.** Cây cỏ **B.** Rơm, rạ **C.** Cây bắp **D.** Cỏ voi

**Câu 22:** Các chỉ tiêu cơ bản dùng để chọn lọc vật nuôi là

**A.** sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

**B.** ngoại hình, thể chất, sức sản xuất.

**C.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục.

**D.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

**Câu 23:** “Cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau”. Đây thuộc phương pháp

**A.** lai xa. **B.** lai giống.

**C.** chọn giống. **D.** nhân giống thuần chủng.

**Câu 24:** Dựa vào phân loại theo nguồn gốc thì các vật nuôi sau: gà Đông Tảo, bò Bảy Núi, dê Bách Thảo, cừu Phan Rang,… được gọi là

**A.** vật nuôi lai tạo. **B.** Vật nuôi bản địa.

**C.** vật nuôi cải tiến. **D.** vật nuôi ngoại nhập.

**Câu 25:** Loại bệnh nào chỉ xuất hiện trên lợn?

**A.** Bệnh tai xanh. **B.** Bệnh dịch tả.

**C.** Bệnh tụ huyết trùng. **D.** Bệnh lở mồm, long móng.

**Câu 26:** Triệu chứng bệnh Newcastle diễn biến qua bao nhiêu thể ?

**A.** 2 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 3

**Câu 27:** Nguyên nhân gây ra bệnh tụ huyết trùng lợn là do

**A.** vi khuẩn. **B.** virus. **C.** nấm. **D.** ký sinh trùng.

**Câu 28:** Quy trình sản xuất thức ăn dạng viên khác với quy trình sản xuất thức ăn dạng bột ở những bước

**A.** lựa chọn nguyên liệu và làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu.

**B.** làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu và phối trộn nguyên liệu.

**C.** phối trộn nguyên liệu và đóng bao, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

**D.** làm ẩm nguyên liệu, tăng nhiệt độ, ép viên và hạ nhiệt độ, làm khô.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (3 điểm)**,**

Câu 1 (2 điểm): Có ý kiến cho rằng “Bệnh dịch tả lợn cổ điển và dịch tả lợn Châu Phi đều do virut gây ra và có triệu chứng giống nhau nên 2 bệnh này là cùng 1 bệnh nhưng khác tên gọi”. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Tại sao?

Câu 2 (1 điểm): Cho các thông tin về tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn thịt giai đoạn 60 – 90 kg như sau: 7000kcal; 224g protein; 1,7 kg gạo; 0,3 kg khô lạc; 16 g calcium; 2,8kg rau xanh; 13 g phosphorus; 40 g muối ăn; 54 g bột vỏ sò. Từ những thông tin đã cho em hãy xác định những dữ kiện nào là tiêu chuẩn ăn và những dữ kiện nào là khẩu phần ăn của 1 lợn thịt ở giai đoạn 60 – 90 kg.

Đáp án đề

ĐÁP ÁN:

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm, 28 câu- 0.25 đ/ câu)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **A132** | **A209** | **A357** | **A485** |
| **1** | D | C | A | C |
| **2** | C | C | A | A |
| **3** | C | A | D | A |
| **4** | B | D | B | B |
| **5** | A | A | C | B |
| **6** | C | A | C | B |
| **7** | B | C | A | C |
| **8** | A | C | B | D |
| **9** | D | A | B | A |
| **10** | D | D | D | D |
| **11** | C | A | A | D |
| **12** | D | A | D | C |
| **13** | A | D | B | A |
| **14** | C | B | D | D |
| **15** | B | C | C | D |
| **16** | A | A | C | A |
| **17** | A | B | C | C |
| **18** | C | C | B | B |
| **19** | C | B | B | C |
| **20** | B | B | C | A |
| **21** | B | C | A | A |
| **22** | D | B | A | C |
| **23** | B | B | D | B |
| **24** | B | D | D | D |
| **25** | A | D | D | B |
| **26** | D | D | B | D |
| **27** | A | B | A | B |
| **28** | D | D | C | C |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3 câu, 3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | * Tiêu chuẩn ăn: 7000kcal; 224g protein; 16 g calcium; 13 g phosphorus, 40 g muối ăn. * Khẩu phần ăn: 1,7 kg gạo; 0,3 kg khô lạc; 2,8kg rau xanh; 54 g bột vỏ sò. | **0.5**  **0.5** |
| **2** | Không đồng ý vì:   * Bệnh dịch tả lợn cổ điển:   + do virus họ Flaviridae chứa ARN gây nên  + có tỉ lệ mắc bệnh thấp và tỉ lệ tử vong thấp hơn dịch tả lợn Châu Phi.  + diễn ra lẻ tẻ tốc độ lây lan chậm hơn dịch tả lợn Châu Phi.   * Bệnh dịch tả lợn Châu Phi:   + do virus thuộc nhóm Myxovirus chứa ADN gây nên.  + sốt rất cao và chết rất nhanh, tỉ lệ chết 100%.  + lây lan nhanh và nguy cơ gây đại dịch cao. | **1.0**  **0.5**  **0.5** |

ĐỀ 3:

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** (7 điểm)**,**

Số câu: 28; 0.25 điểm/câu

**Câu 1:** Ưu điểm của phương pháp chọn lọc cá thể là

**A.** không tốn kém. **B.** dễ tiến hành.

**C.** hiệu quả chọn lọc cao. **D.** không đồi hỏi kĩ thuật cao.

**Câu 2:** Phương pháp chế biến thức ăn nào sau đây thuộc ứng dụng công nghệ cao?

**A.** Phương pháp vật lí. **B.** Phương pháp cắt nhỏ.

**C.** Sử dụng công nghệ vi sinh. **D.** Phương phấu nấu chín.

**Câu 3:** Nêu nhược điểm của phương pháp bảo quản thức ăn bằng kho silo?

**A.** Chi phí đầu tư cao

**B.** Không ngăn chặn được sinh vật gây hại

**C.** Thuận lợi cho việc bảo quản

**D.** Tự động hóa trong quá trình xuất và nhập kho

**Câu 4:** Khi nói về vai trò của các nhóm thức ăn, phát biểu đúng

**A.** nhóm thức ăn giàu khoáng chỉ làm thành phần vào cấu trúc xương cho vật nuôi.

**B.** nhóm thức ăn giàu protein chỉ làm nguyên liệu để tổng hợp protein đặc trưng cho cơ thể.

**C.** nhóm thức ăn giàu năng lượng chỉ cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của vật nuôi.

**D.** nhóm thức ăn giàu vitamin tham gia điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể, tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

**Câu 5:** Có mấy phương pháp sản xuất thức ăn cho vật nuôi?

**A.** 2 **B.** 3 **C.** 1 **D.** 4

**Câu 6:** Loại bệnh nào chỉ xuất hiện trên lợn?

**A.** Bệnh tai xanh. **B.** Bệnh dịch tả.

**C.** Bệnh tụ huyết trùng. **D.** Bệnh lở mồm, long móng.

**Câu 7:** Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là:

1.Các vật nuôi trong cùng 1 giống phải có chung nguồn gốc.

2.Chỉ khai thác theo 1 hướng nào đó.

3.Có ngoại hình, năng suất giống nhau.

4.Có tính di truyền ổn định.

5.Số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng.

6.Là giống vốn có ở địa phương.

7.Được hội đồng Quốc gia công nhận.

Nhận định **sai** là:

**A.** 1,2,3. **B.** 1,2,6. **C.** 2,6. **D.** 3,4,5.

**Câu 8:** Nguyên tắc phối trộn khẩu phần ăn đảm bảo tính khoa học là

**A.** hạ giá thành, phù hợp tiêu hóa **B.** chi phí thấp, vật nuôi thích ăn

**C.** đủ tiêu chuẩn, hợp khẩu vị **D.** tân dụng thức ăn có sẵn

**Câu 9:** Nguyên nhân gây ra bệnh tụ huyết trùng lợn là do

**A.** vi khuẩn. **B.** virus. **C.** nấm. **D.** ký sinh trùng.

**Câu 10:** Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị bằng

**A.** tỉ lệ chất xơ, axit amin. **B.** tỉ lệ thức ăn tinh, thô.

**C.** tỉ lệ các loại thức ăn. **D.** chỉ số dinh dưỡng.

**Câu 11:** Có bao nhiêu công nghệ sinh học được áp dụng trong nhân giống vật nuôi.

**A.** 4 **B.** 3 **C.** 1 **D.** 2

**Câu 12:** Nội dung thể hiện sự sai khác giữa thức ăn truyền thống và thức ăn hỗn hợp là

**A.** thức ăn hỗn hợp được phối trộn theo công thức còn thức ăn truyền thống không có.

**B.** nguồn nguyên liệu thức ăn hỗn hợp có được nhờ tổng hợp và thức ăn truyền thống lấy tư tự nhiên.

**C.** thức ăn hỗn hợp chứa dinh dưỡng còn thức ăn truyền thống không có.

**D.** thức ăn hỗn hợp có đóng bao còn thức ăn truyền thống không có.

**Câu 13:** Những giống chỉ khai thác theo 1 hướng nào đó như chuyên đẻ trứng, chuyên thịt, chuyên sữa là giống:

**A.** Giống nhập nội. **B.** Giống nguyên thủy.

**C.** Giống kiêm dụng. **D.** Giống chuyên dụng.

**Câu 14:** Giun đất là nhóm thức ăn giàu

**A.** vitamin **B.** protein **C.** khoáng **D.** năng lượng

**Câu 15:** Để bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm nên sử dụng phương pháp

**A.** lai cải tạo. **B.** lai kinh tế.

**C.** nhân giống thuần chủng. **D.** lai xa.

**Câu 16:** Nội dung nào sau đây không phải vai trò của chăn nuôi?

**A.** Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

**B.** Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein ( thịt, trứng, sữa ) cho con người.

**C.** Cung cấp sức kéo cho trồng trọt.

**D.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

**Câu 17:** Phương pháp nào thường hay dùng để bảo quản thức ăn vật nuôi ở nước ta?

**A.** Bảo quản bằng phương pháp làm ẩm **B.** Bảo quản bằng phương pháp làm khô

**C.** Bảo quản trong kho lạnh **D.** Bảo quản bằng nguồn gốc hóa học

**Câu 18:** Thức ăn nào chứa nhiều năng lượng?

**A.** Rơm, cỏ khô **B.** Bã mía **C.** Cám, gạo **D.** Rau muống

**Câu 19:** Các bước xác định giới tính phôi ở vật nuôi

**A.** Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**B.** Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**C.** Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**D.** Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**Câu 20:** Ở gia đình em loại thức ăn chăn nuôi nào thường được bảo quản bằng phương pháp làm khô?

**A.** Cây cỏ **B.** Rơm, rạ **C.** Cây bắp **D.** Cỏ voi

**Câu 21:** Đâu là bệnh truyền nhiễm

**A.** Bệnh sơ gan **B.** Bệnh đường tiết niệu

**C.** Bệnh dịch tả châu phi **D.** Bệnh tim mạch

**Câu 22:** “Cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau”. Đây thuộc phương pháp

**A.** lai xa. **B.** lai giống.

**C.** chọn giống. **D.** nhân giống thuần chủng.

**Câu 23:** Dựa vào phân loại theo nguồn gốc thì các vật nuôi sau: gà Đông Tảo, bò Bảy Núi, dê Bách Thảo, cừu Phan Rang,… được gọi là

**A.** vật nuôi lai tạo. **B.** Vật nuôi bản địa.

**C.** vật nuôi cải tiến. **D.** vật nuôi ngoại nhập.

**Câu 24:** Đặc điểm nào sau đây **không** xuất hiện ở gà bị mắc bệnh Newcastle?

**A.** Mào màu tím tái **B.** Thực quản xuất huyết

**C.** Nhớt dãi chảy nhiều **D.** Mắt lồi, xuất huyết

**Câu 25:** Triệu chứng bệnh Newcastle diễn biến qua bao nhiêu thể ?

**A.** 2 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 3

**Câu 26:** Quy trình sản xuất thức ăn dạng viên khác với quy trình sản xuất thức ăn dạng bột ở những bước

**A.** lựa chọn nguyên liệu và làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu.

**B.** làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu và phối trộn nguyên liệu.

**C.** phối trộn nguyên liệu và đóng bao, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

**D.** làm ẩm nguyên liệu, tăng nhiệt độ, ép viên và hạ nhiệt độ, làm khô.

**Câu 27:** Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi

**A.** Bảo vệ chuồng nuôi

**B.** Bảo vệ vật nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi

**C.** Chăm lo sức khỏe cho vật nuôi

**D.** Bảo vệ động vật

**Câu 28:** Các chỉ tiêu cơ bản dùng để chọn lọc vật nuôi là

**A.** sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

**B.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục.

**C.** ngoại hình, thể chất, sức sản xuất.

**D.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

--------------------------------------------

--- **II. PHẦN TỰ LUẬN** (3 điểm)**,**

**Câu 1 (2 điểm):** Có ý kiến cho rằng “Bệnh dịch tả lợn cổ điển và dịch tả lợn Châu Phi đều do virut gây ra và có triệu chứng giống nhau nên 2 bệnh này là cùng 1 bệnh nhưng khác tên gọi”. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Tại sao?

**Câu 2 (1 điểm):** Cho các thông tin về tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn thịt giai đoạn 60 – 90 kg như sau: 7000kcal; 224g protein; 1,7 kg gạo; 0,3 kg khô lạc; 16 g calcium; 2,8kg rau xanh; 13 g phosphorus; 40 g muối ăn; 54 g bột vỏ sò. Từ những thông tin đã cho em hãy xác định những dữ kiện nào là tiêu chuẩn ăn và những dữ kiện nào là khẩu phần ăn của 1 lợn thịt ở giai đoạn 60 – 90 kg.

ĐỀ 4:

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** (7 điểm)**,**

Số câu: 28; 0.25 điểm/câu

**Câu 1:** Nêu nhược điểm của phương pháp bảo quản thức ăn bằng kho silo?

**A.** Chi phí đầu tư cao

**B.** Tự động hóa trong quá trình xuất và nhập kho

**C.** Không ngăn chặn được sinh vật gây hại

**D.** Thuận lợi cho việc bảo quản

**Câu 2:** Loại bệnh nào chỉ xuất hiện trên lợn?

**A.** Bệnh tai xanh. **B.** Bệnh dịch tả.

**C.** Bệnh tụ huyết trùng. **D.** Bệnh lở mồm, long móng.

**Câu 3:** Khi nói về vai trò của các nhóm thức ăn, phát biểu đúng

**A.** nhóm thức ăn giàu khoáng chỉ làm thành phần vào cấu trúc xương cho vật nuôi.

**B.** nhóm thức ăn giàu protein chỉ làm nguyên liệu để tổng hợp protein đặc trưng cho cơ thể.

**C.** nhóm thức ăn giàu năng lượng chỉ cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của vật nuôi.

**D.** nhóm thức ăn giàu vitamin tham gia điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể, tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

**Câu 4:** Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi

**A.** Bảo vệ chuồng nuôi

**B.** Bảo vệ vật nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi

**C.** Chăm lo sức khỏe cho vật nuôi

**D.** Bảo vệ động vật

**Câu 5:** Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị bằng

**A.** tỉ lệ các loại thức ăn. **B.** tỉ lệ chất xơ, axit amin.

**C.** chỉ số dinh dưỡng. **D.** tỉ lệ thức ăn tinh, thô.

**Câu 6:** Ưu điểm của phương pháp chọn lọc cá thể là

**A.** dễ tiến hành. **B.** không đồi hỏi kĩ thuật cao.

**C.** hiệu quả chọn lọc cao. **D.** không tốn kém.

**Câu 7:** Các bước xác định giới tính phôi ở vật nuôi

**A.** Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**B.** Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**C.** Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**D.** Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**Câu 8:** Dựa vào phân loại theo nguồn gốc thì các vật nuôi sau: gà Đông Tảo, bò Bảy Núi, dê Bách Thảo, cừu Phan Rang,… được gọi là

**A.** vật nuôi lai tạo. **B.** Vật nuôi bản địa.

**C.** vật nuôi cải tiến. **D.** vật nuôi ngoại nhập.

**Câu 9:** Phương pháp chế biến thức ăn nào sau đây thuộc ứng dụng công nghệ cao?

**A.** Phương pháp vật lí. **B.** Sử dụng công nghệ vi sinh.

**C.** Phương phấu nấu chín. **D.** Phương pháp cắt nhỏ.

**Câu 10:** Triệu chứng bệnh Newcastle diễn biến qua bao nhiêu thể ?

**A.** 2 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 3

**Câu 11:** Có bao nhiêu công nghệ sinh học được áp dụng trong nhân giống vật nuôi.

**A.** 4 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3

**Câu 12:** Những giống chỉ khai thác theo 1 hướng nào đó như chuyên đẻ trứng, chuyên thịt, chuyên sữa là giống:

**A.** Giống nhập nội. **B.** Giống nguyên thủy.

**C.** Giống kiêm dụng. **D.** Giống chuyên dụng.

**Câu 13:** Giun đất là nhóm thức ăn giàu

**A.** vitamin **B.** protein **C.** khoáng **D.** năng lượng

**Câu 14:** Phương pháp nào thường hay dùng để bảo quản thức ăn vật nuôi ở nước ta?

**A.** Bảo quản trong kho lạnh **B.** Bảo quản bằng phương pháp làm ẩm

**C.** Bảo quản bằng nguồn gốc hóa học **D.** Bảo quản bằng phương pháp làm khô

**Câu 15:** Nguyên tắc phối trộn khẩu phần ăn đảm bảo tính khoa học là

**A.** chi phí thấp, vật nuôi thích ăn **B.** hạ giá thành, phù hợp tiêu hóa

**C.** đủ tiêu chuẩn, hợp khẩu vị **D.** tân dụng thức ăn có sẵn

**Câu 16:** Để bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm nên sử dụng phương pháp

**A.** lai cải tạo. **B.** lai kinh tế.

**C.** nhân giống thuần chủng. **D.** lai xa.

**Câu 17:** Thức ăn nào chứa nhiều năng lượng?

**A.** Rơm, cỏ khô **B.** Rau muống **C.** Cám, gạo **D.** Bã mía

**Câu 18:** “Cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau”. Đây thuộc phương pháp

**A.** lai xa. **B.** lai giống.

**C.** chọn giống. **D.** nhân giống thuần chủng.

**Câu 19:** Đặc điểm nào sau đây **không** xuất hiện ở gà bị mắc bệnh Newcastle?

**A.** Nhớt dãi chảy nhiều **B.** Mắt lồi, xuất huyết

**C.** Mào màu tím tái **D.** Thực quản xuất huyết

**Câu 20:** Đâu là bệnh truyền nhiễm

**A.** Bệnh sơ gan **B.** Bệnh đường tiết niệu

**C.** Bệnh dịch tả châu phi **D.** Bệnh tim mạch

**Câu 21:** Nội dung thể hiện sự sai khác giữa thức ăn truyền thống và thức ăn hỗn hợp là

**A.** thức ăn hỗn hợp được phối trộn theo công thức còn thức ăn truyền thống không có.

**B.** thức ăn hỗn hợp chứa dinh dưỡng còn thức ăn truyền thống không có.

**C.** thức ăn hỗn hợp có đóng bao còn thức ăn truyền thống không có.

**D.** nguồn nguyên liệu thức ăn hỗn hợp có được nhờ tổng hợp và thức ăn truyền thống lấy tư tự nhiên.

**Câu 22:** Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là:

1.Các vật nuôi trong cùng 1 giống phải có chung nguồn gốc.

2.Chỉ khai thác theo 1 hướng nào đó.

3.Có ngoại hình, năng suất giống nhau.

4.Có tính di truyền ổn định.

5.Số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng.

6.Là giống vốn có ở địa phương.

7.Được hội đồng Quốc gia công nhận.

Nhận định **sai** là:

**A.** 2,6. **B.** 1,2,6. **C.** 3,4,5. **D.** 1,2,3.

**Câu 23:** Các chỉ tiêu cơ bản dùng để chọn lọc vật nuôi là

**A.** sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

**B.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục.

**C.** ngoại hình, thể chất, sức sản xuất.

**D.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

**Câu 24:** Ở gia đình em loại thức ăn chăn nuôi nào thường được bảo quản bằng phương pháp làm khô?

**A.** Cỏ voi **B.** Cây cỏ **C.** Cây bắp **D.** Rơm, rạ

**Câu 25:** Quy trình sản xuất thức ăn dạng viên khác với quy trình sản xuất thức ăn dạng bột ở những bước

**A.** lựa chọn nguyên liệu và làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu.

**B.** làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu và phối trộn nguyên liệu.

**C.** phối trộn nguyên liệu và đóng bao, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

**D.** làm ẩm nguyên liệu, tăng nhiệt độ, ép viên và hạ nhiệt độ, làm khô.

**Câu 26:** Có mấy phương pháp sản xuất thức ăn cho vật nuôi?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 27:** Nguyên nhân gây ra bệnh tụ huyết trùng lợn là do

**A.** vi khuẩn. **B.** ký sinh trùng. **C.** virus. **D.** nấm.

**Câu 28:** Nội dung nào sau đây không phải vai trò của chăn nuôi?

**A.** Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein ( thịt, trứng, sữa ) cho con người.

**B.** Cung cấp sức kéo cho trồng trọt.

**C.** Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

**D.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

-----------------------------------------------

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (3 điểm)**,**

**Câu 1 (2 điểm):** Có ý kiến cho rằng “Bệnh dịch tả lợn cổ điển và dịch tả lợn Châu Phi đều do virut gây ra và có triệu chứng giống nhau nên 2 bệnh này là cùng 1 bệnh nhưng khác tên gọi”. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Tại sao?

**Câu 2 (1 điểm):** Cho các thông tin về tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn thịt giai đoạn 60 – 90 kg như sau: 7000kcal; 224g protein; 1,7 kg gạo; 0,3 kg khô lạc; 16 g calcium; 2,8kg rau xanh; 13 g phosphorus; 40 g muối ăn; 54 g bột vỏ sò. Từ những thông tin đã cho em hãy xác định những dữ kiện nào là tiêu chuẩn ăn và những dữ kiện nào là khẩu phần ăn của 1 lợn thịt ở giai đoạn 60 – 90 kg.

ĐỀ 5:

*Đề có …. trang*

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** (7 điểm)**,**

Số câu: 28; 0.25 điểm/câu

**Câu 1:** Để bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm nên sử dụng phương pháp

**A.** lai cải tạo. **B.** lai kinh tế.

**C.** nhân giống thuần chủng. **D.** lai xa.

**Câu 2:** Các bước xác định giới tính phôi ở vật nuôi

**A.** Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**B.** Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**C.** Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**D.** Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

**Câu 3:** Khi nói về vai trò của các nhóm thức ăn, phát biểu đúng

**A.** nhóm thức ăn giàu vitamin tham gia điều hòa quá trình trao đổi chất trong cơ thể, tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

**B.** nhóm thức ăn giàu protein chỉ làm nguyên liệu để tổng hợp protein đặc trưng cho cơ thể.

**C.** nhóm thức ăn giàu khoáng chỉ làm thành phần vào cấu trúc xương cho vật nuôi.

**D.** nhóm thức ăn giàu năng lượng chỉ cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của vật nuôi.

**Câu 4:** Phương pháp chế biến thức ăn nào sau đây thuộc ứng dụng công nghệ cao?

**A.** Phương pháp vật lí. **B.** Sử dụng công nghệ vi sinh.

**C.** Phương phấu nấu chín. **D.** Phương pháp cắt nhỏ.

**Câu 5:** Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi

**A.** Bảo vệ động vật

**B.** Bảo vệ vật nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi

**C.** Bảo vệ chuồng nuôi

**D.** Chăm lo sức khỏe cho vật nuôi

**Câu 6:** Nguyên nhân gây ra bệnh tụ huyết trùng lợn là do

**A.** virus. **B.** vi khuẩn. **C.** nấm. **D.** ký sinh trùng.

**Câu 7:** Ưu điểm của phương pháp chọn lọc cá thể là

**A.** không tốn kém. **B.** không đồi hỏi kĩ thuật cao.

**C.** hiệu quả chọn lọc cao. **D.** dễ tiến hành.

**Câu 8:** “Cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau”. Đây thuộc phương pháp

**A.** lai xa. **B.** nhân giống thuần chủng.

**C.** chọn giống. **D.** lai giống.

**Câu 9:** Có bao nhiêu công nghệ sinh học được áp dụng trong nhân giống vật nuôi.

**A.** 4 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 3

**Câu 10:** Các chỉ tiêu cơ bản dùng để chọn lọc vật nuôi là

**A.** sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

**B.** ngoại hình, thể chất, sức sản xuất.

**C.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục.

**D.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

**Câu 11:** Những giống chỉ khai thác theo 1 hướng nào đó như chuyên đẻ trứng, chuyên thịt, chuyên sữa là giống:

**A.** Giống nhập nội. **B.** Giống nguyên thủy.

**C.** Giống kiêm dụng. **D.** Giống chuyên dụng.

**Câu 12:** Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là:

1.Các vật nuôi trong cùng 1 giống phải có chung nguồn gốc.

2.Chỉ khai thác theo 1 hướng nào đó.

3.Có ngoại hình, năng suất giống nhau.

4.Có tính di truyền ổn định.

5.Số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng.

6.Là giống vốn có ở địa phương.

7.Được hội đồng Quốc gia công nhận.

Nhận định **sai** là:

**A.** 3,4,5. **B.** 1,2,6. **C.** 2,6. **D.** 1,2,3.

**Câu 13:** Thức ăn nào chứa nhiều năng lượng?

**A.** Cám, gạo **B.** Bã mía **C.** Rau muống **D.** Rơm, cỏ khô

**Câu 14:** Ở gia đình em loại thức ăn chăn nuôi nào thường được bảo quản bằng phương pháp làm khô?

**A.** Cỏ voi **B.** Cây cỏ **C.** Cây bắp **D.** Rơm, rạ

**Câu 15:** Nguyên tắc phối trộn khẩu phần ăn đảm bảo tính khoa học là

**A.** chi phí thấp, vật nuôi thích ăn **B.** tân dụng thức ăn có sẵn

**C.** hạ giá thành, phù hợp tiêu hóa **D.** đủ tiêu chuẩn, hợp khẩu vị

**Câu 16:** Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị bằng

**A.** chỉ số dinh dưỡng. **B.** tỉ lệ thức ăn tinh, thô.

**C.** tỉ lệ chất xơ, axit amin. **D.** tỉ lệ các loại thức ăn.

**Câu 17:** Nêu nhược điểm của phương pháp bảo quản thức ăn bằng kho silo?

**A.** Tự động hóa trong quá trình xuất và nhập kho

**B.** Không ngăn chặn được sinh vật gây hại

**C.** Chi phí đầu tư cao

**D.** Thuận lợi cho việc bảo quản

**Câu 18:** Nội dung nào sau đây không phải vai trò của chăn nuôi?

**A.** Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein ( thịt, trứng, sữa ) cho con người.

**B.** Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

**C.** Cung cấp sức kéo cho trồng trọt.

**D.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

**Câu 19:** Đâu là bệnh truyền nhiễm

**A.** Bệnh sơ gan **B.** Bệnh đường tiết niệu

**C.** Bệnh dịch tả châu phi **D.** Bệnh tim mạch

**Câu 20:** Nội dung thể hiện sự sai khác giữa thức ăn truyền thống và thức ăn hỗn hợp là

**A.** thức ăn hỗn hợp được phối trộn theo công thức còn thức ăn truyền thống không có.

**B.** thức ăn hỗn hợp chứa dinh dưỡng còn thức ăn truyền thống không có.

**C.** thức ăn hỗn hợp có đóng bao còn thức ăn truyền thống không có.

**D.** nguồn nguyên liệu thức ăn hỗn hợp có được nhờ tổng hợp và thức ăn truyền thống lấy tư tự nhiên.

**Câu 21:** Quy trình sản xuất thức ăn dạng viên khác với quy trình sản xuất thức ăn dạng bột ở những bước

**A.** làm ẩm nguyên liệu, tăng nhiệt độ, ép viên và hạ nhiệt độ, làm khô.

**B.** lựa chọn nguyên liệu và làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu.

**C.** phối trộn nguyên liệu và đóng bao, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

**D.** làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ nguyên liệu và phối trộn nguyên liệu.

**Câu 22:** Giun đất là nhóm thức ăn giàu

**A.** vitamin **B.** năng lượng **C.** protein **D.** khoáng

**Câu 23:** Dựa vào phân loại theo nguồn gốc thì các vật nuôi sau: gà Đông Tảo, bò Bảy Núi, dê Bách Thảo, cừu Phan Rang,… được gọi là

**A.** vật nuôi cải tiến. **B.** Vật nuôi bản địa.

**C.** vật nuôi lai tạo. **D.** vật nuôi ngoại nhập.

**Câu 24:** Loại bệnh nào chỉ xuất hiện trên lợn?

**A.** Bệnh dịch tả. **B.** Bệnh tụ huyết trùng.

**C.** Bệnh lở mồm, long móng. **D.** Bệnh tai xanh.

**Câu 25:** Có mấy phương pháp sản xuất thức ăn cho vật nuôi?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 26:** Triệu chứng bệnh Newcastle diễn biến qua bao nhiêu thể ?

**A.** 5 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 3

**Câu 27:** Đặc điểm nào sau đây **không** xuất hiện ở gà bị mắc bệnh Newcastle?

**A.** Nhớt dãi chảy nhiều **B.** Mắt lồi, xuất huyết

**C.** Mào màu tím tái **D.** Thực quản xuất huyết

**Câu 28:** Phương pháp nào thường hay dùng để bảo quản thức ăn vật nuôi ở nước ta?

**A.** Bảo quản bằng phương pháp làm ẩm **B.** Bảo quản bằng nguồn gốc hóa học

**C.** Bảo quản bằng phương pháp làm khô **D.** Bảo quản trong kho lạnh

-----------------------------------------------

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (3 điểm)**,**

**Câu 1 (2 điểm):** Có ý kiến cho rằng “Bệnh dịch tả lợn cổ điển và dịch tả lợn Châu Phi đều do virut gây ra và có triệu chứng giống nhau nên 2 bệnh này là cùng 1 bệnh nhưng khác tên gọi”. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Tại sao?

**Câu 2 (1 điểm):** Cho các thông tin về tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn thịt giai đoạn 60 – 90 kg như sau: 7000kcal; 224g protein; 1,7 kg gạo; 0,3 kg khô lạc; 16 g calcium; 2,8kg rau xanh; 13 g phosphorus; 40 g muối ăn; 54 g bột vỏ sò. Từ những thông tin đã cho em hãy xác định những dữ kiện nào là tiêu chuẩn ăn và những dữ kiện nào là khẩu phần ăn của 1 lợn thịt ở giai đoạn 60 – 90 kg.